TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 245/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Thụy.
2. Bà Đặng Thị Kim Xuyến.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 758/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quang S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 161, ấ T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S. Có Luật sư Lương Trường Huy, Công ty Luật TNHH MTV An Gia, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 178/2, tỉnh lộ 942, ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn Ông Bùi Quang S trình bày: ông và bà L, chung sống với nhau vào năm 1989 hôn nhân do tự tìm hiểu được 02 bên gia đình chấp nhận và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn; cuộc sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông đi làm nghề xây dựng; bà L thường hay ghen tuông vô cớ và cờ bạc đánh bài, số đề, ông và Loan

không còn chung sống với nhau năm 2018 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

- *Về quan hệ con chung:* ông và bà Loan có 02 con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày 15/10/1990, Bùi Thanh T, sinh ngày 20/5/1993 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* không có

* **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, bà và ông S sống với nhau vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông S có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài không lo cuộc sống chung của gia đình. Nay ông S yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

- *Về quan hệ con chung:* bà và ông S có 02 con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày 15/10/1990, Bùi Thanh T, sinh ngày 20/5/1993 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* bà và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Bùi Quang S xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Bà L có nơi cư trú tại ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Ông Bùi Quang S, bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của ông S, bà L là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên không công nhận Ông Bùi Quang S và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* ông S và bà L có 02 con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày 15/10/1990, Bùi Thanh T, sinh ngày 20/5/1993 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ tài sản chung:* ông S và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung:* ghi nhận ông S và bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông S, bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông S và bà L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Quang S.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận Ông Bùi Quang S và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

3. *Về quan hệ con chung:* ông S và bà L có 02 con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày 15/10/1990, Bùi Thanh T, sinh ngày 20/5/1993 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về quan hệ tài sản chung: ông S và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5.Về quan hệ nợ chung: ghi nhận ông S và bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông S, bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông S và bà L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. ***Về án phí dân sự sơ thẩm***: ông S phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013508 ngày 29.8.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông S đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Bùi Quang S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh